

trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể quà và đồ dùng sinh hoạt mà thân nhân người bị tạm giữ, tạm giam được phép gửi và quy định việc tổ chức bán các thứ cần thiết trong các trại tạm giam. Việc sử dụng quà và đồ dùng sinh hoạt do thân nhân gửi được quy định cụ thể trong nội quy nhà tạm giữ, trại tạm giam”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 5 Điều 32 của Quy chế như sau:

"3. Người bị tạm giữ, tạm giam vi phạm quy chế, nội quy của nhà tạm giữ, trại tạm giam thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật sau:

- Cảnh cáo;

- Phạt giam riêng ở buồng kỷ luật từ 3 ngày đến 7 ngày và có thể bị gia hạn đến 12 ngày. Người bị phạt giam ở buồng kỷ luật có thể bị cùm một chân. Thời gian bị cùm chân do Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị trại tạm giam quyết định, nhưng không quá 10 ngày. Không áp dụng hình thức kỷ luật cùm chân đối với người chưa thành niên, phụ nữ.

5. Việc thi hành kỷ luật đối với người bị tạm giữ, tạm giam vi phạm Quy chế và nội quy nhà tạm giữ, trại tạm giam do Trưởng nhà tạm giữ, giám thị trại tạm giam quyết định bằng văn bản. Biên bản việc vi phạm và quyết định hình thức kỷ luật được đưa vào hồ sơ của người đó. Trong thời gian chấp hành kỷ luật, nếu người bị kỷ luật có tiến bộ thì Trưởng nhà tạm giữ, giám thị trại tạm giam được xét giảm thời hạn kỷ luật”.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 15, khoản 1, khoản 3 Điều 20, Điều 21, khoản 1 Điều 26, khoản 3, khoản 5 Điều 32 của Quy chế Tạm giữ, tạm giam ban hành kèm theo Nghị định số

89/1998/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 1998 của Chính phủ.

Bộ Công an, Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHÁI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 100/2002/NĐ-CP ngày 06/12/2002 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam là cơ quan sự

ngành thuộc Chính phủ, có chức năng thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (sau đây gọi chung là bảo hiểm xã hội) và quản lý Quỹ Bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

1. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

a) Chiến lược phát triển ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam và kế hoạch dài hạn, năm năm về thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội;

b) Đề án bảo tồn giá trị và tăng trưởng Quỹ Bảo hiểm xã hội;

2. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội; thu các khoản đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và tự nguyện; chi các khoản trợ cấp về bảo hiểm xã hội cho đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ, thuận tiện, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;

3. Cấp các loại sổ, thẻ bảo hiểm xã hội;

4. Quản lý Quỹ Bảo hiểm xã hội theo nguyên tắc tập trung thống nhất theo chế độ tài chính của Nhà nước, hạch toán độc lập và được Nhà nước bảo hộ;

5. Kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan nhà nước có liên quan về việc sửa đổi, bổ sung chính sách, chế độ về bảo hiểm xã hội; cơ chế quản lý Quỹ, cơ chế quản lý tài chính (kể cả chi phí quản lý bộ máy của Bảo hiểm xã hội Việt Nam) và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

6. Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện việc giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội và nghiệp vụ thu, chi bảo hiểm xã hội theo thẩm quyền; quản lý nội bộ ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

7. Tổ chức hợp đồng với các cơ sở khám, chữa bệnh hợp pháp để phục vụ người có sổ, thẻ bảo hiểm theo quy định của pháp luật;

8. Kiểm tra việc ký hợp đồng và việc thu, chi bảo hiểm xã hội đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng lao động, cá nhân, cơ sở khám chữa bệnh; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan cấp trên của đơn vị sử dụng lao động, cơ sở khám chữa bệnh để xử lý những hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội;

9. Từ chối việc chi các chế độ bảo hiểm xã hội khi đối tượng tham gia bảo hiểm không đủ điều kiện hưởng bảo hiểm theo quy định của pháp luật hoặc khi có căn cứ pháp lý về các hành vi giả mạo, khai man hồ sơ để hưởng bảo hiểm;

10. Bồi thường mọi khoản thu, chi sai quy định của pháp luật về chế độ bảo hiểm xã hội cho đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội;

11. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức và cá nhân về việc thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;

12. Lưu trữ hồ sơ của đối tượng tham gia và hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;

13. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động bảo hiểm xã hội;

14. Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ bảo hiểm xã hội;

15. Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội;

16. Thực hiện hợp tác quốc tế về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;

17. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội ở Trung ương và địa phương, với các bên tham gia

bảo hiểm xã hội để giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật;

18. Quản lý tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; tài chính và tài sản của Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo quy định của pháp luật;

19. Thực hiện chế độ báo cáo với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hệ thống tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam được tổ chức và quản lý theo hệ thống dọc, tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương, gồm có:

1. Ở Trung ương là Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
2. Ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Bảo hiểm xã hội tỉnh) trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
3. Ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là Bảo hiểm xã hội huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Bảo hiểm xã hội huyện) trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh.

Điều 4. Nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam (sau đây gọi là Hội đồng quản lý) giúp Thủ tướng Chính phủ thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Chỉ đạo, giám sát, kiểm tra việc thu, chi, quản lý Quỹ Bảo hiểm xã hội;
2. Thông qua dự toán và quyết toán hàng năm về thu, chi Quỹ Bảo hiểm xã hội;
3. Thông qua chiến lược phát triển ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam, kế hoạch dài hạn, năm năm về thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã

hội và các đề án bảo tồn giá trị và tăng trưởng Quỹ Bảo hiểm xã hội do Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam (sau đây gọi là Tổng giám đốc) xây dựng để Tổng giám đốc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; giám sát, kiểm tra Tổng giám đốc thực hiện chiến lược, kế hoạch, đề án sau khi được phê duyệt;

4. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều 5. Cơ cấu của Hội đồng quản lý.

1. Hội đồng quản lý gồm đại diện lãnh đạo của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Thành viên Hội đồng quản lý đại diện cho cơ quan nhìn nhận tham gia vào công tác của Hội đồng quản lý, thảo luận, biểu quyết về các công việc của Hội đồng quản lý.

2. Hội đồng quản lý có Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch và các thành viên do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 6. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý làm việc theo nguyên tắc tập thể; họp thường kỳ 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 4 của Nghị định này.

2. Hội đồng quản lý có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách khi Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc Tổng giám đốc hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý đề nghị.

3. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý phải có ít nhất hai phần ba thành viên Hội đồng quản lý tham dự. Nghị quyết của Hội đồng quản lý phải

được đa số thành viên Hội đồng quản lý dự họp biểu quyết tán thành. Những vấn đề chưa thống nhất ý kiến giữa các thành viên Hội đồng quản lý thì Chủ tịch Hội đồng quản lý báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Trong hoạt động, Hội đồng quản lý sử dụng bộ máy giúp việc, kinh phí và con dấu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

5. Chủ tịch Hội đồng quản lý ban hành quy chế làm việc của Hội đồng quản lý và phân công nhiệm vụ đối với các thành viên Hội đồng quản lý.

Điều 7. Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

1. Tổng giám đốc là đại diện pháp nhân của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng quản lý về thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội và quản lý Quỹ Bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 2 của Nghị định này.

2. Giúp Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc; các Phó Tổng giám đốc được Tổng giám đốc phân công chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về nhiệm vụ được phân công. Khi Tổng giám đốc vắng mặt, một Phó Tổng giám đốc được Tổng giám đốc ủy quyền lãnh đạo công tác của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Các Phó Tổng giám đốc do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý và Tổng giám đốc.

Điều 8. Chế độ làm việc và trách nhiệm của Tổng giám đốc.

1. Tổng giám đốc làm việc theo chế độ thủ

trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ; ban hành Quy chế làm việc của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quy chế đó;

2. Tổng giám đốc phân công hoặc ủy quyền cho Phó Tổng giám đốc giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc. Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm về quyết định của Phó Tổng giám đốc được phân công hoặc ủy quyền giải quyết;

3. Tổng giám đốc có trách nhiệm:

a) Chuẩn bị các nội dung quy định tại Điều 4 của Nghị định này để Hội đồng quản lý thông qua và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý;

b) Quyết định và chỉ đạo việc thực hiện chương trình cải cách hành chính của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và việc thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội đối với các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội; bảo đảm chế độ thông tin, báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các đơn vị trực thuộc;

c) Quyết định các công việc thuộc phạm vi quản lý của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và chịu trách nhiệm về các quyết định đó; quyết định các biện pháp cụ thể để tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong cán bộ, công chức, viên chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, của quyền trong ngành;

d) Chịu kỷ luật khi có những khuyết điểm về quản lý để xảy ra tình trạng tham nhũng, tiêu cực gây thiệt hại nghiêm trọng trong cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

đ) Tổ chức thực hiện những quy định quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội. Khi trình Thủ tướng Chính phủ những vấn đề có liên quan đến

chức năng quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ nào thì phải có ý kiến bằng văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan đó;

e) Phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội tại địa phương theo quy định của pháp luật;

f) Phối hợp với người đứng đầu tổ chức công đoàn và các tổ chức xã hội khác ở Trung ương và ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong khi thực hiện nhiệm vụ của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; tạo điều kiện để các tổ chức nêu trên hoạt động và tham gia quản lý.

Điều 9. Tổ chức Bảo hiểm xã hội tỉnh và Bảo hiểm xã hội huyện.

1. Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bảo hiểm xã hội huyện được tổ chức và hoạt động theo quy định của Tổng giám đốc;

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bảo hiểm xã hội huyện có tư cách pháp nhân, có dấu, tài khoản và trụ sở riêng;

3. Tổng giám đốc quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, biên chế, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ quản lý và quy định kinh phí hoạt động của Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bảo hiểm xã hội huyện; quyết định thành lập, giải thể Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bảo hiểm xã hội huyện trong trường hợp có quyết định sáp nhập, chia tách đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp huyện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 10. Cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

1. Ban Chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội;
2. Ban Kế hoạch - tài chính;
3. Ban Thu bảo hiểm xã hội;
4. Ban Chi bảo hiểm xã hội;

5. Ban Bảo hiểm xã hội tự nguyện;

6. Ban Giám định y tế;

7. Ban Tuyên truyền bảo hiểm xã hội;

8. Ban Hợp tác quốc tế;

9. Ban Tổ chức cán bộ;

10. Ban Kiểm tra;

11. Văn phòng;

12. Trung tâm Nghiên cứu khoa học bảo hiểm xã hội;

13. Trung tâm Công nghệ thông tin;

14. Trung tâm Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ bảo hiểm xã hội;

15. Trung tâm Lưu trữ;

16. Báo Bảo hiểm xã hội;

17. Tạp chí Bảo hiểm xã hội.

Tổng Giám đốc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ quản lý của các đơn vị quy định tại Điều này.

Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức lại bảo hiểm y tế tại một số ngành hiện có.

Điều 11. Hiệu lực thi hành.

Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Bãi bỏ Nghị định số 19/CP ngày 16 tháng 2 năm 1995 của Chính phủ về việc thành lập Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Điều 5, Điều 25, khoản 2 Điều 26, và các Điều 27, 28, 29 của Điều lệ Bảo hiểm y tế ban hành kèm theo Nghị định số 58/1998/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 1998 của Chính phủ; Quyết định số 606/TTg ngày 26 tháng 9 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động

của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các quy định trước đây trái với Nghị định này.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ

Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 101/2002/NĐ-CP ngày 10/12/2002 về tổ chức và hoạt động của Thanh tra giáo dục.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 02 tháng 12 năm 1998;

Căn cứ Pháp lệnh Thanh tra ngày 01 tháng 4 năm 1990;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thanh tra giáo dục.

Thanh tra giáo dục là thanh tra chuyên ngành về giáo dục. Thanh tra giáo dục thực hiện quyền thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước về giáo dục, nhằm bảo đảm việc thi hành pháp luật, phát huy nhân tố tích cực, phòng ngừa và xử lý vi phạm, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 2. Đối tượng của Thanh tra giáo dục.

1. Các cơ sở giáo dục của cơ quan nhà nước, của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, của lực lượng vũ trang nhân dân, của tổ chức kinh tế và của cá nhân.

2. Các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài về giáo dục hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Tổ chức, cá nhân hoạt động đưa người đi đào tạo ở nước ngoài theo chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục đại học và sau đại học, giáo dục nghề nghiệp cho công dân Việt Nam.

4. Tổ chức, cá nhân hoạt động giảng dạy, giáo dục theo chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và sau đại học thực hiện ngoài các cơ sở giáo dục nói tại các khoản 1 và 2 Điều này (sau đây gọi tắt là hoạt động giảng dạy, giáo dục thực hiện ngoài cơ sở giáo dục).

Điều 3. Nội dung hoạt động của Thanh tra giáo dục.

1. Thanh tra việc thi hành pháp luật về giáo dục của các đối tượng được quy định tại Điều 2 của Nghị định này.

2. Thanh tra hoạt động giảng dạy, giáo dục của các đối tượng được quy định tại Điều 2 của Nghị định này về việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục,